TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 420/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14/5/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liên
2. Bà Lâm Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trúc Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ‘‘Ly hôn’’ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 6 tháng 4 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 100/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị B – sinh năm 1964 (Có mặt)

Địa chỉ: 88A đường S, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lưu N – sinh năm 1955

Địa chỉ: 88A đường S, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Lưu N vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 10/01/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Phạm Thị B trình bày: Bà và ông Lưu N tự nguyện kết hôn năm 1984 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 826; Quyển số: 01 do Uỷ ban nhân dân xã D, huyện X, tỉnh Q cấp ngày 10/01/1984). Bản chính giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc, quá trình chung sống không hạnh phúc, do ông N không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn mà chỉ ham chơi cờ bạc nên khi bà làm ăn thua lỗ ông N đã nhiều lần đánh đập rất giã man, ngoài ra còn dọa giết làm ảnh hưởng đến tinh thần và cuộc sống của bà. Từ 3 năm nay vợ chồng đã ly thân, nay bà yêu cầu được ly hôn với ông N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung là Lưu Lý V – sinh ngày 6/02/1984 và Lưu Thị Lý N1 – sinh ngày 4/02/1988. Hai con chung đã thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho ông N để tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông N đều vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn - ông Lưu N vắng mặt.

Nguyên đơn – bà Phạm Thị B trình bày: Trước đây ông N và bà đã cùng nhau ký vào đơn thuận tình ly hôn, sau đó do ông N không đồng ý lên Tòa án để nộp đơn nên bà mới làm đơn đơn phương ly hôn. Quá trình chung sống không hạnh phúc, ông N nhiều lần đánh đập bà, không chăm lo cho gia đình nhưng nghĩ đến con nên bà lại tha thứ cho ông N. Từ 3 năm nay vợ chồng đã ly thân nhưng ông N vẫn còn dọa giết làm ảnh hưởng rất lớn đến tinh thần, cuộc sống nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N, vợ chồng có hai con chung đã thành niên, tài sản chung, nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lưu N có nơi cư trú tại số: đường S, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà B thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ xác minh tình trạng cư trú của Bị đơn và xác minh về mâu thuẫn gia đình nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn – bà Phạm Thị B có mặt. Bị đơn ông Lưu N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt (Biên bản tống đạt Giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 10/4/2018 để tham gia phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 26/4/2018 và biên bản tống đạt Giấy triệu tập, Quyết định hoãn phiên tòa; Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 27/4/2018 để tham gia phiên tòa lần thứ hai vào ngày 14/5/2018) nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số: 826; Quyển số: 01 do UBND xã D, huyện X, tỉnh Q cấp ngày 10/01/1984 thì quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông N là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà B yêu cầu được ly hôn với ông N vì quá trình chung sống không hạnh phúc, từ 3 năm nay vợ chồng đã ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, ông N đã không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án để giải quyết yêu cầu của bà B chứng tỏ ông N không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn giữa các bên là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân đã lâu, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà B để các bên cùng ổn định cuộc sống.

[5] Về con chung: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số 187; Quyển số 02 do UBND xã D, huyện X, tỉnh Q cấp ngày 16/7/1985 và bản sao Giấy khai sinh số 756; Quyển số 01/1988 do UBND xã D, huyện X, tỉnh Q cấp ngày 18/10/1988 thì

anh Lưu Lý V, chị Lưu Thị Lý N1 là con chung của bà Phạm Thị B và ông Lưu N. Anh Lưu Lý V, chị Lưu Thị Lý N1 đã thành niên, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà B trình bày không có nên Hội đồng xét xử không có gì phải xem xét giải quyết, nếu sau này ông N có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[7] Về án phí: Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà B phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – bà Phạm Thị B.

a. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị B được ly hôn ông Lưu N.

b. Về con chung: Có 02 con chung là Lưu Lý V – sinh ngày 6/02/1984 và Lưu Thị Lý N1 – sinh ngày 4/02/1988. Hai con chung đã thành niên.

c. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị B trình bày không có, nếu sau này ông Lưu N có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

2/ Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Phạm Thị B chịu, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Phạm Thị B đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0007621 ngày 18/01/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án

dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4/ Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lưu N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận :
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai Hương